

Số: 1800 /KH-SYT

An Giang, ngày 21 tháng 7 năm 2020

KẾ HOẠCH CÔNG TÁC Y TẾ AN GIANG NĂM 2021

Thực hiện công văn số 714/UBND-TH ngày 07/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc hướng dẫn Sở, ngành, đoàn thể xây dựng kế hoạch phát triển ngành năm 2021, Sở Y tế xây dựng Kế hoạch công tác y tế An Giang năm 2021 như sau:

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM VÀ VÀ KHẢ NĂNG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CẢ NĂM 2020

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

1. Những tồn tại đầu kỳ trước khi xây dựng kế hoạch 2020

- Các yếu tố kinh tế - xã hội: Mức chênh lệch về thu nhập bình quân đầu người giữa các khu vực và các nhóm đối tượng; tỷ lệ hộ nghèo một số nơi còn cao, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số; còn tồn tại một số tập quán, lối sống ảnh hưởng đến sức khỏe, dẫn đến bất bình đẳng về tình trạng sức khỏe, gánh nặng bệnh tật và khả năng tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe.

- Về yếu tố môi trường, tự nhiên: Tình hình hạn hán, lũ lụt, thiên tai, biến đổi khí hậu, sạt lở, ô nhiễm môi trường đang ngày càng nghiêm trọng.

- Về cung ứng dịch vụ y tế: Nhu cầu chăm sóc sức khỏe người dân ngày càng tăng về số lượng và chất lượng trong khi khả năng cung ứng dịch vụ y tế của ngành Y tế còn hạn chế, nhiều cơ sở y tế còn quá tải, cơ sở vật chất cần đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, bổ sung trang thiết bị; việc kiểm soát chất lượng dịch vụ y tế tại một số đơn vị chưa chặt chẽ dẫn đến những thiếu sót trong điều trị, cung ứng dịch vụ y tế.

- Về mô hình bệnh tật, ngoài các bệnh truyền nhiễm cần được tiếp tục giải quyết tốt, các bệnh không lây nhiễm, tác động của già hóa dân số làm tăng một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi: tim mạch, xương khớp, đái tháo đường, sa sút trí tuệ...; các dịch bệnh mới, dịch bệnh lạ diễn biến khó lường. Đại dịch HIV/AIDS tuy vài năm gần đây bước đầu có dấu hiệu chững lại nhưng diễn biến còn phức tạp, tình hình bệnh Lao còn khá nghiêm trọng. Những nguy cơ lây truyền các dịch bệnh nguy hiểm, các dịch bệnh mới diễn biến khó lường, đặc biệt An Giang là tỉnh có đường biên giới giáp Campuchia, người dân thường xuyên qua lại, nên cũng luôn có nguy cơ lây truyền các dịch bệnh nguy hiểm qua biên giới. Ô nhiễm thực phẩm do sử dụng hóa chất cấm trong nuôi trồng, chế biến thực phẩm vẫn là vấn đề nhức nhối chưa được kiểm soát hiệu quả, nguy cơ tiềm ẩn của ngộ độc thực phẩm với số đông người mắc đối với bếp ăn tập thể tại các khu cụm công nghiệp. Một bộ phận nhân dân chưa hình thành thói quen tốt trong tự bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe là điều kiện để các dịch bệnh luôn có nguy cơ bùng phát. Các vấn đề về

chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe người cao tuổi, sức khỏe người tàn tật, sức khỏe vị thành niên đang đặt ra những nhiệm vụ phải phấn đấu.

- Tài chính y tế: Chi phí cho chăm sóc sức khỏe ngày càng lớn trong khi đầu tư cho công tác chăm sóc sức khỏe còn thấp; các nguồn viện trợ nước ngoài cho Việt Nam ngày càng giảm dần. Phát triển Bảo hiểm y tế tuy có tăng nhưng vẫn còn chậm so với mức trung bình của toàn quốc, chưa gắn kết đồng bộ với lộ trình đổi mới cơ chế tài chính, trong thực hiện khám chữa bệnh BHYT cũng còn nhiều bất cập trong cơ chế quản lý, thanh toán chi phí, thủ tục hành chính. Phát triển kỹ thuật và nhu cầu chăm sóc sức khỏe tăng tạo nên tăng chi phí cho y tế, Khó khăn lớn của ngành Y tế là phải đảm bảo công bằng, hiệu quả trong chăm sóc sức khỏe và phát triển trong bối cảnh nền kinh tế thị trường với nhiều chính sách tác động đa chiều đến y tế. Điều chỉnh cơ chế tài chính theo hướng công bằng, đảm bảo cân bằng giữa phát triển y tế cơ sở, chăm sóc sức khỏe ban đầu với việc phát triển y tế chuyên sâu trong bối cảnh chi tiêu công cho y tế còn thấp.

- Nhân lực ngành y tế tuy có tăng về số lượng nhưng về chất lượng còn nhiều bất cập, cơ cấu chưa hợp lý, chưa đáp ứng kịp thời với nhu cầu phát triển. Chế độ thu hút đãi ngộ đối với cán bộ y tế chưa đủ mạnh, lương và phụ cấp cho cán bộ y tế còn thấp, không tương xứng với thời gian học tập, công sức lao động, môi trường lao động, điều kiện làm việc vất vả, nhất là khu vực nông thôn, vùng biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ chủ yếu đã đạt được trong 6 tháng đầu năm 2020

Nhìn chung, trong 6 tháng đầu năm 2020, ngành đã tập trung chỉ đạo và triển khai thực hiện các nhiệm vụ và đạt được những chỉ tiêu cơ bản:

- Tiếp tục ổn định tổ chức và hoạt động mạng lưới tuyến y tế cơ sở, thực hiện sáp nhập Trung tâm Dân số - KHHGD huyện, thị xã, thành phố vào Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố thành lập TTYT huyện đa chức năng (*theo Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 22/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh*).

- Chủ động trong công tác y tế dự phòng, thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh Sốt xuất huyết, Sốt phát ban nghi Sởi, Tay chân miệng, các bệnh nhiễm trùng đường tiêu hóa, đặc biệt là bệnh Viêm đường hô hấp cấp tính do chủng mới vi-rút Corona (COVID-19), hạn chế được số mắc các bệnh truyền nhiễm lưu hành, không để phát triển thành dịch lớn, không để các dịch bệnh mới phát sinh.

- Tổ chức thực hiện tốt các dự án thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số, tiếp tục củng cố nâng cao chất lượng hoạt động y tế cơ sở. Tuy nhiên, do tình hình dịch bệnh COVID-19 diễn biến phức tạp nên công tác triển khai một số hoạt động của các dự án trong chương trình Y tế-Dân số chưa đạt tiến độ so với kế hoạch năm.

- Đạt các chỉ tiêu cơ bản về khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe sinh sản, Dân số - KHHGD. Thực hiện tốt hoạt động khám chữa bệnh cho người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi. Tiếp tục thực hiện tốt chương trình *Đem lại ánh sáng cho người mù nghèo*, chương trình hiến máu tình nguyện.

- Thực hiện tốt công tác quản lý xử lý chất thải y tế, góp phần bảo vệ môi trường trong ngành Y tế. Nâng cao nhận thức của cán bộ y tế và cộng đồng trong việc bảo vệ sức khỏe và thích ứng với các tác động của biến đổi khí hậu.

- Công tác thanh kiểm tra được tăng cường, phát hiện xử lý kịp thời những sai sót yếu kém trong các lĩnh vực hoạt động của Ngành và hoạt động hành nghề Y, Dược tư nhân.

- Thực hiện đúng tiến độ các đầu công việc của UBND tỉnh giao cho ngành Y tế năm 2020 theo quyết định số 287/QĐ-UBND ngày 11/02/2020 về việc ban hành chương trình công tác năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2.1. Cung ứng dịch vụ y tế

2.1.1. Y tế dự phòng, chăm sóc sức khỏe ban đầu, nâng cao sức khỏe

Tình hình các bệnh truyền nhiễm:

TT	Tên bệnh	6 tháng 2019		6 tháng 2020		So sánh cùng kỳ 2019	
		Mắc	Chết	Mắc	Chết	Số mắc	Số chết
1	Sốt xuất huyết	1.876	0	1.169	0	Giảm 37,7%	-
2	Tả	0	0	0	0	-	-
3	Tay chân miệng	557	0	292	0	Giảm 47,6%	-
4	Cúm A/H5N1	0	0			-	-

Ngành đã tập trung chỉ đạo công tác phòng chống dịch bệnh, như Sốt xuất huyết, bệnh Tay chân miệng, bệnh Tả, Cúm A/H5N1, đặc biệt là bệnh Viêm đường hô hấp cấp tính do chủng mới vi-rút Corona (COVID-19), ... Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông phòng, chống dịch bệnh, tăng cường các hoạt động giám sát, kiểm tra thường xuyên nguồn nước, vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường, đảm bảo hoạt động kiểm dịch y tế biên giới, ... do đó đã khống chế tốt các dịch bệnh lưu hành, không để phát triển thành dịch lớn. Nhìn chung tình hình các bệnh truyền nhiễm trong 6 tháng đầu năm 2020 không có biến động, so với cùng kỳ năm 2019 số mắc SXH giảm 37,7%, không có tử vong, so với cùng kỳ trung bình 5 năm 2011-2015 số mắc SXH tăng 0,9% (số mắc SXH cộng dồn cùng kỳ trung bình 5 năm 2011-2015: 1.159 ca). Số mắc bệnh TCM giảm 47,6% so cùng kỳ năm 2019, không tử vong, so với cùng kỳ trung bình 5 năm 2011-2015 số mắc TCM giảm 52,5% (số mắc TCM cộng dồn cùng kỳ trung bình 5 năm 2011-2015: 615 ca). Bệnh Covid-19: có 3 trường hợp bệnh xâm nhập từ nước ngoài vào (2 ca của Châu Phú và 1 ca của Chợ Mới) do người dân đi làm ăn hoặc đi du lịch ở Malaysia, Campuchia mắc bệnh khi về nước, cả 3 ca dương tính đã được điều trị tại BV Tây Ninh và BVĐK tỉnh Trà Vinh. An Giang đã thực hiện xét nghiệm bệnh phẩm SAR-COV2 của 40 trường hợp nghi ngờ và 5004 mẫu của các đối tượng đi từ vùng dịch trở về nước, tất cả các mẫu xét nghiệm đều âm tính với SAR-COV2. Hầu hết các bệnh nhiễm trùng đường tiêu hóa giảm so với năm 2019. Không ghi nhận trường hợp nào mắc bệnh SXH do virus Zika, Tả, Bạch hầu, Uốn ván sơ sinh, Cúm A (H5N1/H7N9), Liên cầu lợn, Ebola (*chi tiết đính kèm phụ lục*). Dự báo năm 2020, tỷ lệ mắc Sốt xuất huyết và Tay chân miệng giảm hơn so với năm 2019, các dịch bệnh khác không có nhiều biến động.

Bên cạnh đó, ngành Y tế còn tăng cường triển khai thực hiện các hoạt động dự phòng và kiểm soát bệnh không lây nhiễm, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, y tế trường học thông qua việc tổ chức thực hiện các dự án thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số, Đề án người cao tuổi tại huyện/thị/thành phố và cơ sở, Đề án phòng chống đột quỵ, Chương trình Nha học đường,...

a. Thực hiện chương trình mục tiêu Y tế - Dân số (gồm 08 dự án)

a.1. Dự án Phòng, chống một số bệnh có tính chất nguy hiểm đối với cộng đồng và một số bệnh không lây nhiễm phổ biến:

- *Phòng chống Sốt rét:* Thực hiện tốt các mục tiêu Phòng chống Sốt rét, tình hình Sốt rét không có biến động, không có dịch sốt rét. Tính đến ngày 31/5/2020 chưa ghi nhận

trường hợp mắc sốt rét trên toàn tỉnh (cùng kỳ 2019: có 01 ca mắc sốt rét ngoại lai, không có tử vong). Thực hiện xét nghiệm tìm ký sinh trùng sốt rét 2.880 lam máu đạt 48% KH năm. Ngành Y tế duy trì thường xuyên công tác giám sát dịch tễ, điều tra côn trùng trung gian truyền bệnh tại các vùng trọng điểm sốt rét tại huyện Tri Tôn và Tịnh Biên, giám sát ca bệnh có ký sinh trùng sốt rét. tuyên truyền nâng cao kiến thức phòng bệnh trong nhân dân.

- *Phòng chống Lao*: Duy trì công tác giám sát hoạt động chương trình, giám sát bệnh nhân lao đang điều trị. Tính đến ngày 30/6/2020, số bệnh nhân lao quản lý điều trị: 3.993 người đạt 63,8% KH năm, thu dung điều trị mới 2.115 bệnh nhân đạt 50,6% KH năm (trong đó bệnh nhân lao mới AFB (+): 1.440 người đạt 59,2% KH năm). Tỷ lệ bệnh nhân lao các thể điều trị khỏi là 94,1%. Nhìn chung hoạt động phòng chống Lao đạt kết quả tốt.

- *Phòng chống Phong*: Ngành đã tiếp tục duy trì công tác giám sát điều trị, phòng chống tàn tật cho bệnh nhân Phong. Phát hiện bệnh nhân Phong mới: 04 người, không có bệnh nhân Phong mới tàn phế độ 2. Tổng số bệnh nhân Phong quản lý: 37 người, trong đó số người điều trị đa hóa: 05 người, chăm sóc tàn tật: 18 người. Tỉnh An Giang đạt tiêu chuẩn loại trừ bệnh Phong cấp tỉnh của Việt Nam, tiến tới loại trừ cấp huyện theo các tiêu chí của Thông tư 17/2013/TT-BYT ngày 06/06/2013 của Bộ Y tế quy định tiêu chí và hướng dẫn kiểm tra, công nhận loại trừ bệnh phong ở quy mô cấp tỉnh và huyện.

- *Phòng chống Sốt xuất huyết*: Chủ động thực hiện đồng bộ các giải pháp phòng chống SXH ngay từ mùa khô, tăng cường kiểm tra, giám sát công tác phòng, chống dịch bệnh tại các huyện, không để phát triển thành dịch lớn.

- *Phòng chống bệnh Tim mạch*: Nâng cao nhận thức của người dân về dự phòng và kiểm soát bệnh tăng huyết áp; duy trì mô hình quản lý, khám, tư vấn bệnh tăng huyết áp tại một số xã điểm đã triển khai. Trong 06 tháng đầu năm 2020, phát hiện đưa vào quản lý mới: 4.948 người, tổng số bệnh nhân tăng huyết áp được quản lý điều trị hiện tại: 27.165 người, trong đó điều trị đạt huyết áp mục tiêu: 19.642 người (đạt 72,3%). Tỷ lệ người mắc bệnh Tăng huyết áp được phát hiện đạt 13,1%, trong đó số được quản lý điều trị chiếm tỷ lệ: 83,3%. Thực hiện truyền thông phòng chống bệnh Tăng huyết áp qua đài phát thanh 975 lượt, truyền thông trực tiếp với 8.321 người tham dự.

- *Phòng chống bệnh Đái tháo đường và các rối loạn do thiếu Iod*: Duy trì mô hình quản lý bệnh Đái tháo đường trên phạm vi toàn tỉnh. Trong 6 tháng đầu năm 2020 phát hiện đưa vào quản lý mới: 1.773 người bệnh Đái tháo đường, số hiện đang còn quản lý điều trị: 9.756 người, trong đó điều trị đạt mục tiêu: 7.618 người. Tỷ lệ người mắc bệnh Đái tháo đường được phát hiện đạt 20,3%, trong đó số được quản lý điều trị chiếm tỷ lệ: 84,1%. Truyền thông phòng chống bệnh đái tháo đường qua đài phát thanh 975 lượt, truyền thông trực tiếp với 8.321 người tham dự.

- *Bảo vệ sức khỏe tâm thần cộng đồng*: Duy trì mạng lưới chăm sóc sức khỏe tâm thần tại 156 xã. Tổng số bệnh nhân quản lý điều trị: 1.135 người, trong đó số điều trị ổn định là 752 người, tỷ lệ điều trị ổn định: 66,3% (KH: > 71%), tỷ lệ gây rối: 12% (KH: < 15%), tỷ lệ hành vi nguy hại: 6% (KH: < 12%), tỷ lệ mạn tính tàn phế: 9% (KH: < 8%). Nhìn chung dự án thực hiện đạt các mục tiêu chuyên môn theo kế hoạch.

Phòng chống bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản: Tổ chức triển khai các hoạt động Phòng chống bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản năm 2020 cho các bệnh viện trong tỉnh và các trạm y tế xã.

- *Hoạt động Y tế trường học:* Duy trì các hoạt động kiểm tra vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, kết hợp nhà trường thực hiện khám sức khỏe định kỳ, truyền thông giáo dục sức khỏe, phòng chống dịch bệnh cho học sinh.

a.2. Dự án Tiêm chủng mở rộng:

Tính đến ngày 30/6/2020, thực hiện tiêm đủ 08 loại vaccin cho trẻ em dưới 01 tuổi (lao, bạch hầu, ho gà, uốn ván, bại liệt, sởi, viêm gan siêu vi B, viêm não do Hemophilus influenza) cho 13.278 cháu, đạt 44,4% KH năm; tiêm ngừa uốn ván cho phụ nữ có thai (VAT 2+): 9.656 người, đạt 32,3% KH năm. Thực hiện tiêm nhắc vaccin MR (sởi – rubella) cho trẻ 18 tháng tuổi: 10.976 trẻ đạt 36,4% KH năm, tiêm nhắc vaccin DPT mũi 4 (bạch hầu, ho gà, uốn ván) cho trẻ 18 tháng: 10.594 trẻ đạt 35,1% KH năm. Tiêm ngừa vaccin Viêm não nhật bản mũi 2 cho trẻ 18 tháng: 2.961 cháu đạt 9,8% KH, tiêm mũi 3 cho 2.479 cháu đạt 9,1% KH.

a.3. Dự án Dân số và Phát triển

Chăm sóc sức khỏe sinh sản:

Duy trì hoạt động chương trình chăm sóc sức khỏe sinh sản, thực hiện tư vấn sức khỏe bà mẹ trẻ em. Nhìn chung hoạt động chăm sóc sức khỏe bà mẹ đạt tiến độ hầu hết các chỉ tiêu cơ bản, số sinh tại cơ sở y tế cao. Cụ thể kết quả thực hiện chủ yếu của hoạt động đến 30/6/2020:

- Khám phụ khoa: 276.999 người, số lần khám phụ khoa là 338.744 lần, điều trị bệnh phụ khoa cho 52.029 lượt người.

- Khám thai: Tổng số lần khám thai: 113.085 lần, số lần khám thai trung bình của phụ nữ đẻ là 4,01 lần. Tỷ lệ phụ nữ đẻ được khám thai từ 3 lần trở lên: 82%.

- Tổng số phụ nữ đẻ: 16.098 người, trong đó do cán bộ y tế đỡ đẻ: 16.092 người (chiếm 99,96% số phụ nữ đẻ). Tỷ lệ sinh tại cơ sở y tế nhà nước là 84,79%, tại cơ sở y tế tư nhân chiếm tỷ lệ 15,18%, sinh tại nhà: 0, số sinh không do CB y tế đỡ đẻ: 06 trường hợp, chiếm tỷ lệ 0,03%. Tỷ lệ trẻ sơ sinh có cân nặng dưới 2.500 gram là 5,82%. Số trường hợp sinh khó chiếm tỷ lệ 37,17 %, tỷ lệ mổ lấy thai là 36,3 %. Số tai biến sản khoa: 117 trường hợp (băng huyết: 92, nhiễm khuẩn: 20, sản giật: 05) chiếm tỷ lệ 0,73% số phụ nữ đẻ (*cùng kỳ năm 2019 có 113 trường hợp tai biến sản khoa, tỷ lệ tai biến sản khoa: 0,69%, không có tử vong*).

Cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em:

Tiếp tục duy trì các hoạt động truyền thông, giám sát theo dõi cân đo trẻ em dưới 2 tuổi định kỳ hàng tháng, giám sát theo dõi cân đo trẻ em dưới 5 tuổi 06 tháng/1 lần, kết hợp với các ban ngành đoàn thể tổ chức truyền thông về dinh dưỡng. Tiếp tục thực hiện lồng ghép hoạt động của chương trình phòng chống suy dinh dưỡng với các hoạt động khác như tiêm chủng mở rộng, chăm sóc sức khỏe sinh sản, Dân số- KHHGD...

Dân số - Kế hoạch hóa gia đình

Tổ chức Hội nghị tổng kết tình hình thực hiện công tác Dân số - KHHGD năm 2019, triển khai kế hoạch hoạt động năm 2020. Duy trì các hoạt động truyền thông, vận động về Dân số - KHHGD trên các phương tiện thông tin đại chúng và trong các chương trình phối hợp với các ban ngành đoàn thể. Tiếp tục triển khai thực hiện các mô hình, đề án nâng cao chất lượng dân số như: Đề án sàng lọc trước sinh và sơ sinh, Đề án khám sức khỏe người cao tuổi, Đề án giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh, mô hình tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân. Thực hiện khám sàng lọc trước sinh cho: 5.762 bà mẹ (tỷ lệ sàng lọc đạt 19,35%

đối tượng), sàng lọc sơ sinh cho 6.260 trẻ em (tỷ lệ sàng lọc đạt 30,89% đối tượng). Duy trì 156 câu lạc bộ tiền hôn nhân, khám sức khỏe tiền hôn nhân: 4.486 đối tượng chuẩn bị kết hôn, đạt 44,4% KH. Duy trì 78 câu lạc bộ người cao tuổi với 1.950 thành viên, khám sức khỏe định kỳ cho 11.707 người đạt 60% KH. Tỷ lệ giới tính khi sinh: 108,94. Tình hình thực hiện các biện pháp tránh thai hiện đại thực hiện đến hết tháng 06/2020: Đình sản được 196 người, đạt 98% kế hoạch năm. Đặt vòng được 11.202 người, đạt 62,23% KH năm. Cấy tránh thai được 90 người, đạt 45% KH năm. Duy trì số người sử dụng thuốc viên tránh thai 111/356 người đạt 100,32% KH, số người sử dụng thuốc tiêm tránh thai: 12.355 người đạt 102,96% KH, số người sử dụng bao cao su: 39.169 người đạt 105,86% KH.

a.4. Dự án An toàn thực phẩm

Về công tác quản lý an toàn thực phẩm, từ đầu năm 2020 đến nay không ghi nhận vụ ngộ độc thực phẩm nào xảy ra trên địa bàn tỉnh. Ngành Y tế đã kết hợp các ngành chức năng thực hiện thanh, kiểm tra ATTP tại các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm và dịch vụ ăn uống trên địa bàn tỉnh An Giang, tính đến ngày 30/6/2020 đã kiểm tra 8.073 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm và dịch vụ ăn uống, qua kết quả kiểm tra, tỷ lệ cơ sở đạt tiêu chuẩn VSATTP chung là 91% (cùng kỳ năm 2019 kiểm tra 8.033 cơ sở, tỷ lệ đạt VSATTP là 87,5%)¹. Ngành tổ chức thực hiện tốt các đợt kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm phục vụ Tết Nguyên Đán, các lễ hội, ... Thực hiện tuyên truyền công tác an toàn vệ sinh thực phẩm qua phát thanh 6.682 lượt tại các huyện, xã trên địa bàn tỉnh, truyền hình: 23 lượt, nói chuyện chuyên đề về VSATTP 443 buổi với 2.327 người tham dự,.... Thực hiện cấp chứng nhận đủ điều kiện VSATTP cho 203 cơ sở.

Nhìn chung công tác vệ sinh an toàn thực phẩm trong 06 tháng đầu năm 2020 đã thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch, công tác thanh kiểm tra VSATTP được đẩy mạnh, hoạt động phòng chống ngộ độc thực phẩm được thực hiện tốt.

a.5. Dự án Phòng, chống HIV/AIDS

Tính đến ngày 30/6/2020, số liệu cụ thể về HIV/AIDS như sau:

Chỉ số	01/01/2019 đến 30/6/2019	01/01/2020 đến 30/6/2020	lũy tích từ 1993 đến 31/5/2020
Số người nhiễm HIV	199	151	11.563
Số bệnh nhân AIDS	58	41	8.734
Số tử vong	39	43	5.521

Tình hình HIV/AIDS không có biến động. So với cùng kỳ năm trước, số phát hiện HIV mới giảm 48 người (giảm 24,12%), số bệnh nhân AIDS giảm 17 người (giảm 29,31%), số tử vong tăng 04 người (tăng 10,25%). Ngành Y tế đã duy trì tốt các hoạt động quản lý, chăm sóc, tư vấn người nhiễm HIV, đẩy mạnh công tác truyền thông, tư vấn xét nghiệm tự nguyện, thực hiện các chương trình can thiệp giảm thiểu tác hại, chăm sóc hỗ trợ người nhiễm, phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con, quản lý điều trị các bệnh lây truyền qua đường tình dục, đảm bảo an toàn truyền máu. Duy trì thực hiện chương trình

¹ Qua kiểm tra, đã xử lý vi phạm: Phạt tiền 25 cơ sở với tổng số tiền phạt là 198,2 triệu đồng, tiêu hủy sản phẩm 25 cơ sở, khắc phục về nhân: 05, nhắc nhở khắc phục: 693 cơ sở. Đa số các cơ sở vi phạm về điều kiện vệ sinh cơ sở; điều kiện con người như: xác nhận kiến thức về ATTP, khám sức khỏe; điều kiện về trang thiết bị dụng cụ,

điều trị cai nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng Methadone tại Tp Long Xuyên, Tp Châu Đốc, Thị xã Tân Châu và cơ sở cấp phát thuốc tại huyện Châu Phú. Tiếp tục thực hiện các dự án hợp tác phòng chống HIV/AIDS từ các nguồn tài trợ của Quỹ Toàn cầu, AHF, BIDMC,...

a.6. Dự án 6: Bảo đảm máu an toàn và phòng chống một số bệnh lý huyết học

Ngành đã kết hợp với Hội Chữ thập đỏ tỉnh, các ban ngành, đoàn thể tiếp tục thực hiện vận động hiến máu tình nguyện, từ đầu năm đến nay đã tiếp nhận 11.036 đơn vị máu hiến tình nguyện đạt 46% kế hoạch năm.

a.7. Dự án 7: Quân dân y kết hợp

Củng cố và phát triển mạng lưới kết hợp quân dân y, thực hiện tốt công tác kết hợp quân dân y trong phòng chống dịch bệnh, thực hiện các chương trình y tế, chuẩn bị đáp ứng các tình huống khẩn cấp, thiên tai, thảm họa.

a.8. Dự án 8: Theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện chương trình và truyền thông y tế

Thường xuyên theo dõi giám sát định kỳ các hoạt động của các dự án thuộc chương trình mục tiêu Y tế - Dân số. Công tác truyền thông giáo dục sức khỏe tiếp tục duy trì tốt hoạt động của mạng lưới truyền thông tại các tuyến, bám sát các mục tiêu của chương trình, dự án. Trong công tác phòng chống đại dịch COVID 19, kịp thời chuyển thông tin về hoạt động của ngành y tế, các thông điệp khuyến cáo phòng bệnh, các văn bản chỉ đạo của Bộ Y tế và của Địa phương trên tập san sức khỏe An Giang, trang web của Sở Y tế. Phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể đẩy mạnh việc truyền thông về tình hình dịch bệnh và các biện pháp phòng chống dịch bệnh, đặc biệt là bệnh viêm đường hô hấp cấp tính do chủng mới virus Corona trên hệ thống thông tin đại chúng².

b. Y tế cơ sở:

Đẩy mạnh thực hiện Đề án “Xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở tỉnh An Giang trong tình hình mới giai đoạn 2018-2025” đã được UBND tỉnh An Giang phê duyệt tại Quyết định số 948/QĐ-UBND ngày 02/5/2018. Có 77,56% trạm y tế xã có biên chế bác sỹ làm việc, 100% trạm y tế xã có y sỹ sản nhi hoặc nữ hộ sinh, 100% xã có cơ sở trạm, 100% thôn, bản, ấp có nhân viên y tế hoạt động, 93% xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã. Số lượng thực hiện các dịch vụ phân tuyến kỹ thuật của trung tâm y tế huyện, trạm y tế xã ngày càng tăng, một số đơn vị đã thực hiện được một số kỹ thuật tuyến trên. 100% trạm y tế xã thực hiện khám chữa bệnh BHYT. Tổ chức triển khai thực hiện Quyết định số 2559/QĐ-BYT ngày 20/4/2018 của Bộ Y tế về Kế hoạch tăng cường thực hiện điều trị, quản lý tăng huyết áp, đái tháo đường, hen suyễn, dự phòng, phát hiện sớm ung thư ... theo nguyên lý y học gia đình tại các trạm y tế xã, phường, thị trấn giai đoạn 2018-2020.

2.1.2. Công tác khám chữa bệnh và y học cổ truyền:

Mạng lưới khám, chữa bệnh tiếp tục được đầu tư phát triển, điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị các bệnh viện được cải thiện, phát triển chuyên môn kỹ thuật, nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động khám chữa bệnh được đẩy mạnh: triển khai thực hiện bệnh án điện tử tại Bệnh viện đa khoa khu vực tỉnh, duy trì hỗ trợ tư vấn khám chữa bệnh từ xa qua hệ thống robot. Mạng lưới y tế cơ sở tiếp tục được củng cố hoàn thiện, thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu. Các bệnh

² Truyền thông PC dịch bệnh Covid-19, SXH, TCM: Sinh hoạt nhóm: 1.925 lần với 29.537 lượt người tham dự, phát thanh: 4.892 lượt, nói chuyện chuyên đề: 156 cuộc với 4.522 lượt người tham dự, vãng gia hộ gia đình: 232.543 lần với 277/960 lượt người được truyền thông trực tiếp.

viện đa khoa tư nhân tiếp tục đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, phát triển quy mô. Các bệnh viện công lập tiếp tục giữ vai trò chủ đạo, thực hiện tốt việc hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật và đào tạo cho các cơ sở hành nghề y ngoài công lập. Đến tháng 6/2020, tổng số giường bệnh toàn tỉnh (tính cả BV tư nhân) là 4.990 giường, tỷ lệ giường bệnh/10.000 dân đạt 26 (trong đó giường bệnh tư nhân: 580 giường đạt 3 giường/10.000 dân).

Tổ chức Hội nghị triển khai công tác phòng chống Đợt quy. Chỉ đạo các bệnh viện tiếp tục thực hiện đề án “Cử cán bộ chuyên môn luân phiên từ bệnh viện tuyến trên về hỗ trợ các bệnh viện tuyến dưới” nhằm nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, thực hiện bộ tiêu chí đánh giá chất lượng bệnh viện của Bộ Y tế. Số liệu cơ bản khám chữa bệnh ước tính đến hết tháng 6/2020 như sau: Tổng số lần khám chung là 3.981.004 lần. Tổng số lần khám bệnh tại các cơ sở điều trị trong tỉnh là 3.558.002 lần, đạt 42,3% kế hoạch năm. Thực hiện điều trị nội trú cho 157.800 bệnh nhân đạt 51,99% kế hoạch năm. Tiếp tục thực hiện Chương trình đem lại ánh sáng cho người mù nghèo, với sự tài trợ đóng góp của các nhà hảo tâm trong và ngoài tỉnh.

Tiếp tục thực hiện Đề án Thực hiện chính sách quốc gia về Y Dược học cổ truyền tỉnh An Giang. Mạng lưới YHCT duy trì tốt các mặt hoạt động kết hợp YHCT và Y học hiện đại chăm sóc sức khỏe nhân dân, 02 bệnh viện đa khoa tỉnh có khoa YHCT, 10 BV đa khoa huyện có Tổ YHCT, 151/156 Trạm Y tế có lồng ghép hoạt động YHCT tại trạm, toàn tỉnh có 145 xã đạt chuẩn xã tiên tiến về YHCT (đạt 92,95% số xã). Bệnh viện YHCT quy mô 100 giường bệnh đang triển khai thực hiện dự án.

2.2. Công tác phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

Thường xuyên kiểm tra, nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất, trang thiết bị, dự trữ cơ số thuốc, củng cố nhân lực y tế phục vụ công tác phòng chống lụt bão nhằm đảm bảo đủ điều kiện chăm sóc sức khỏe nhân dân khi có thiên tai xảy ra và phòng chống dịch bệnh sau thiên tai. Tăng cường công tác quản lý, xử lý chất thải y tế tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục thực hiện tốt công tác truyền thông về vấn đề nước sạch và vệ sinh môi trường cho người dân, góp phần nâng cao nhận thức trong cộng đồng về việc bảo vệ sức khỏe trong điều kiện biến đổi khí hậu.

2.3. Công tác Tổ chức cán bộ - Đào tạo

Triển khai thực hiện sáp nhập Trung tâm Dân số - KHHGD huyện, thị xã, thành phố vào Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố theo Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 22/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Tổ chức tuyển dụng viên chức năm 2020 vào công tác tại Trung tâm Y tế thành phố Long Xuyên và Trung tâm Y tế huyện Tịnh Biên theo Kế hoạch số 3401/KH-SYT ngày 12/12/2019 của Sở Y tế (đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 74/QĐ-UBND ngày 13/01/2020).

Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 19/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang về “Chính sách thu hút nguồn nhân lực y tế tỉnh An Giang giai đoạn 2020 - 2025” theo Quyết định số 73/2019/QĐ-UBND ngày 24/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trình Bộ trưởng Bộ Y tế xét tặng Kỷ niệm chương “Vi sức khỏe nhân dân” cho 306 người, xét tặng Kỷ niệm chương “Vi sự nghiệp dân số” cho 05 người và xét tặng Bằng khen cho 02 tập thể, 02 cá nhân có thành tích xuất sắc trong triển khai thực hiện Đề án “Phát triển nghề công tác xã hội trong ngành y tế giai đoạn 2011-2020”.

2.4. Công tác Dược

Thẩm định và tham mưu cấp giấy chứng chỉ hành nghề Dược, giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề Dược. Triển khai các văn bản pháp luật mới ban hành về hành nghề Dược tư nhân, kê đơn thuốc,... Tiếp tục chỉ đạo chấn chỉnh công tác cung ứng, sử dụng thuốc trong bệnh viện. Quản lý các hoạt động liên quan đến thuốc gây nghiện, hướng tâm thần và tiền chất dùng làm thuốc, thông tin quảng cáo. Duy trì các mặt hoạt động kiểm tra chất lượng thuốc và mỹ phẩm trên địa bàn.

2.5. Xây dựng cơ bản - trang thiết bị y tế.

Tiếp tục thực hiện dự án chuyển tiếp: Mở rộng Bệnh viện Tim mạch An Giang. Nghiệm thu và bàn giao đơn vị thụ hưởng đưa vào sử dụng công trình Trụ sở Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh. Báo cáo Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025.

KH vốn năm 2020 các dự án do Sở Y tế làm chủ đầu tư là: **40.824** triệu đồng. Đã giải ngân đến ngày 15/7/2020 là: **15.487** triệu đồng đạt **37,93%** kế hoạch vốn. Trong đó:

- Dự án Mở rộng Bệnh viện Tim mạch An Giang: KH vốn 2020: 15.391 triệu đồng (vốn XSKT), đã giải ngân: 3.504 triệu đồng đạt được 22,77% kế hoạch vốn.

- Dự án Trụ sở 4 đơn vị Y tế: KH vốn 2020: 25.433 triệu đồng (vốn XSKT), đã giải ngân 11.983 triệu đồng đạt được 47,12% kế hoạch vốn.

Thực hiện mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác phòng chống dịch bệnh Viêm đường hô hấp cấp tính do chủng mới Corona (COVID-19). Trình UBND tỉnh phê duyệt danh mục tiêu chuẩn, định mức sử dụng trang thiết bị y tế chuyên dùng đặc thù và chuyên dùng khác giai đoạn năm 2020 - 2022. Xét duyệt danh mục nhu cầu mua sắm trang thiết bị y tế cho các đơn vị năm 2020. Mở thầu hóa chất, sinh phẩm, vật tư y tế năm 2020 tại BVĐK trung tâm An Giang.

2.6. Công tác Thanh tra

Công tác thanh tra triển khai thực hiện khá tốt kế hoạch, bám sát nội dung phương hướng, kế hoạch của ngành, phát hiện xử lý kịp thời các sai phạm, góp phần nâng cao chất lượng quản lý nhà nước về y tế.

Trong 06 tháng đầu năm 2020, đã thực hiện 21 cuộc thanh, kiểm tra:

- Thanh tra hành chính: thực hiện 03 cuộc tại Trung tâm Y tế thành phố Long Xuyên, Trung tâm Y tế huyện Tịnh Biên về việc chấp hành các quy định của pháp luật về thực hiện chính sách Bảo hiểm y tế và tại Trung tâm Giám định y khoa về trách nhiệm thực hiện quy trình giám định y khoa.

- Thanh kiểm tra chuyên ngành: 18 cuộc thanh, kiểm tra chuyên ngành (03 thanh tra, 15 kiểm tra) tại 667 cơ sở về các nội dung hoạt động kinh doanh thuốc, trang thiết bị, vật tư y tế, chế phẩm diệt khuẩn và an toàn thực phẩm. Đã xử lý vi phạm 32 cơ sở (20 cơ sở kinh doanh thuốc, 01 cơ sở sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe, 09 cơ sở sản xuất nước uống, 02 cơ sở dịch vụ ăn uống) với số tiền xử phạt là 265,25 triệu đồng, trong đó thanh tra Sở Y tế xử lý 21 cơ sở vi phạm với số tiền xử phạt là 207,75 triệu đồng và Chi cục ATVSTP xử phạt 11 cơ sở với số tiền là 57,5 triệu đồng.

Công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại tố cáo: tiếp nhận 05 lượt người với nội dung 02 phản ánh về Phòng khám đa khoa tư nhân thu tiền quá cao, 03 phản ánh về khám chữa bệnh và đã giải quyết.

2.7. Công tác Kế hoạch – Tài chính

Tham mưu UBND tỉnh báo cáo 02 năm thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW của của Ban Chấp hành TW khóa XII về Ban Chấp hành TW Đảng (khóa XII) “*Về tăng cường công tác Bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới*”, báo cáo sơ kết 03 năm thực hiện đề án “*Xây dựng và phát triển y tế cơ sở trong tình hình mới*” theo Quyết định 2348/QĐ-TTg ngày 05/12/2016 của Thủ tướng Chính Phủ. Tham dự tiếp và làm việc với đoàn công tác Bộ Y tế về việc đánh giá kết quả thực hiện đề án Xây dựng và phát triển y tế cơ sở trong tình hình mới. Xây dựng Kế hoạch Bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2021 - 2025.

Thẩm định báo cáo quyết toán kinh phí năm 2019 các đơn vị trực thuộc. Tổng hợp nhu cầu và dự toán nguồn kinh phí phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19. Báo cáo đánh giá tác động của dịch bệnh Covid-19 đến công tác khám bệnh, chữa bệnh và nguồn thu của các đơn vị. Giao bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 cho các Bệnh viện tuyến tỉnh để mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác điều trị người bệnh CoVid-19. Thẩm định, phê duyệt kế hoạch thực hiện các dự án năm 2020 thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số.

Tiếp tục thực hiện tốt các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin tại Sở Y tế: Cổng thông tin điện tử ngành y tế An Giang, phần mềm quản lý khám chữa bệnh, phần mềm thống kê y tế điện tử. Tiếp tục triển khai thực hiện áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 tại Sở Y tế. Tiếp tục thực hiện Đề án “*Ứng dụng khoa học và công nghệ vào công tác hội chẩn, tư vấn, khám, chữa bệnh từ xa (Telehealth) tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2016-2020*” và ứng dụng Zoom Cloud Meeting trong hội họp, tập huấn trực tuyến. Thiết kế chuyên mục Cập nhật thông tin về tình hình dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới vi-rút Corona (COVID-19) trên Cổng thông tin điện tử của Sở Y tế. Xây dựng Kế hoạch tổ chức Hội nghị điển hình tiên tiến ngành Y tế tỉnh An Giang lần thứ IV năm 2020.

II. DỰ BÁO KHẢ NĂNG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CẢ NĂM 2020

1. Những hạn chế, khó khăn tiếp tục giải quyết đến cuối năm 2020

- Thực hiện các giải pháp gián cách xã hội trong phòng chống dịch bệnh Covid -19 đã ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện một số hoạt động cung ứng dịch vụ y tế dự phòng: tiêm chủng mở rộng, các hoạt động phòng chống các bệnh không lây nhiễm. các bệnh xã hội..., giảm số lượng người bệnh đến khám và điều trị tại các cơ sở y tế. Tình hình bệnh Sốt xuất huyết, Tay chân miệng luôn tiềm ẩn nguy cơ bùng phát vào 6 tháng cuối năm (cao điểm mùa mưa vào tháng 7,8,9). Bên cạnh đó, tình hình tai nạn thương tích (như: đuối nước, điện giật, gãy xương,...), bệnh đường tiêu hóa, công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản trong mùa lũ cũng cần đặc biệt quan tâm.

- Tình hình nhân lực y tế tuyến y tế cơ sở còn thiếu tại một số địa phương, đặc biệt là thiếu bác sỹ.

- Việc thực chi tiêu về xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã còn một số hạn chế cần khắc phục: Điều kiện cơ sở vật chất một số trạm y tế xuống cấp cần được sửa chữa, nâng cấp, điều kiện về nhân lực chuyên môn để thực hiện tốt khám chữa bệnh BHYT theo tiêu chí quốc gia Y tế xã.

2. Dự báo khả năng thực hiện kế hoạch năm 2020:

Mạng lưới y tế cơ sở từng bước ổn định và dần đi vào hoạt động nề nếp, thực hiện đạt hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch năm. Các chỉ tiêu sức khỏe chung đạt kế hoạch. Riêng

chỉ tiêu về biên chế bác sỹ trạm y tế xã có nhiều khó khăn, dự kiến tỷ lệ trạm y tế xã có bác sỹ chỉ đạt khoảng 90%.

2.1. Các chỉ tiêu y tế cơ bản:

TT	Chỉ số	TH 2019	KH 2020	Ước TH 2020
	Chỉ số đầu vào			
1.	Số bác sỹ/10.000 dân (tính cả YT ngoài công lập)	8,6	9	9
	<i>Trong đó: số bác sỹ công lập/10.000 dân</i>	6,7	6,8	6,9
2.	Số DSDH/10.000 dân (tính cả YT ngoài công lập)	1,48	1,52	1,52
	<i>Trong đó số DSDH công lập/10.000 dân</i>	1,13	1,1	1,15
3.	Tỷ lệ khám áp có nhân viên y tế hoạt động (%)	100	100	100
4.	Tỷ lệ trạm y tế xã có bác sỹ (%)	77,56	100	90
5.	Tỷ lệ TYT xã có nữ hộ sinh hoặc/YS sản nhi (%)	100	100	100
6.	Số giường bệnh/10.000 dân (không tính Trạm Y tế)	25,64	26	26
	<i>Trong đó: + Giường bệnh viên công lập</i>	22,6	22,96	23
	<i>+ Giường bệnh viên tư nhân</i>	3,04	3,04	3
7.	Tỷ lệ cơ sở y tế có cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuốc thiết yếu đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe trong mùa lũ (%)	100	100	100
	Chỉ số hoạt động			
8.	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi tiêm đầy đủ (%)	85,7	≥ 95	95
9.	Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế (%)	91,02	100	99,4
10.	Tỷ lệ dân số tham gia BHYT (%)	87,87	90	90
11.	Tỷ lệ phụ nữ sinh đẻ được cán bộ y tế đỡ đẻ trong mùa lũ (%)	99,9	99,9	99,9
12.	Tỷ lệ chất thải y tế tại các cơ sở y tế được xử lý đạt tiêu chuẩn (%)	100	100	100
	Chỉ số đầu ra			
13.	Tỷ số tử vong mẹ (trên 100.000 trẻ đẻ sống)	20,19	≤ 30	24
14.	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi/1.000 trẻ đẻ sống	6	6	6
15.	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi/1.000 trẻ đẻ sống	11	11	11
16.	Quy mô dân số (triệu người) (*)	1.907	1.911	1.909
17.	Mức giảm tỷ lệ sinh (‰)	0,05	0,03	0,03
18.	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên (%)	0,91	0,9	0,9
19.	Tỷ lệ giới tính khi sinh (trai/100 gái)	108,4	108,5	108,5
20.	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi SDD thể nhẹ cân (cân nặng/ tuổi) (%) (**)	11,7	11,4	11,4
21.	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi SDD thể thấp còi (chiều cao/ tuổi) (%) (**)	22,4	22,2	22,2
22.	Tỷ lệ nhiễm HIV/AIDS trong cộng đồng (%)	0,3	< 0,3	<0,3

(*): Số liệu dân số theo công văn số 85/CTK-DSVX V/v Thông báo số liệu DSTB điều chỉnh 10 năm (2010-2019) và ước tính DSTB năm 2020-2025.

(**): Kết quả thực hiện năm 2019, đã thực hiện điều tra 30 cụm, đang chờ kết quả công bố từ Viện Dinh dưỡng, số liệu tạm ước tính .

2.2. Công tác y tế dự phòng:

2.2.1. Tình hình dịch bệnh :

Trong 6 tháng đầu năm 2020, tình hình bệnh Sốt xuất huyết, Tay chân miệng đều giảm so cùng kỳ năm 2019. Dự báo năm 2020, tỷ lệ mắc Sốt xuất huyết và Tay chân miệng giảm so với năm 2019, các dịch bệnh khác không có nhiều biến động.

2.2.2. Thực hiện các dự án thuộc Chương trình Y tế - Dân số:

Thực hiện đạt hầu hết các mục tiêu, chỉ tiêu cơ bản của chương trình.

2.3. Hoạt động khám chữa bệnh:

Thực hiện đạt các chỉ tiêu khám chữa bệnh, dự báo 6 tháng cuối năm số bệnh nhân khám và điều trị ở các cơ sở y tế công lập tiếp tục ở mức cao.

TT	Mục tiêu - chỉ tiêu	ĐV tính	KH 2020	TH 6 tháng năm 2020	Ước TH năm 2019
1	Tổng số lần khám chung	Lần	9.749.166	3.981.044	9.750.000
	Bình quân số lần khám/người dân/năm	Lần	5,1	-	5,11
2	Tổng số lần khám bệnh	Lần	8.411.044	3.558.002	8.412.000
	B/quân số lần khám bệnh/người dân/năm	Lần	4,4	-	4,4
3	Số người điều trị nội trú	người	303.500	157.800	304.000
4	Tỷ lệ điều trị khỏi bệnh ra viện	%	≥ 80	80	> 80
5	Tỷ lệ tử vong chung tại bệnh viện	%	≤ 0,3	0,3	< 0,3

2.4. Công tác bảo vệ sức khỏe bà mẹ trẻ em và Dân số - KHHGD

Hoạt động bảo vệ sức khỏe bà mẹ trẻ em duy trì tốt, đạt hầu hết các chỉ tiêu cơ bản theo kế hoạch năm.

TT	Mục tiêu - chỉ tiêu	ĐV tính	KH 2020	TH 6 tháng năm 2020	Ước TH năm 2020
1	Mức giảm tỷ lệ sinh	‰	0,03	0,03	0,03
2	Tỷ số giới tính khi sinh (số trẻ trai/100 trẻ gái)		108,5	108,97	108,5
3	Tỷ lệ sàng lọc trước sinh	%	32	19,35	32
4	Tỷ lệ sàng lọc sơ sinh	%	75	20,89	75
5	Số người mới thực hiện biện pháp tránh thai hiện đại trong năm	người	178.400	172.925	178.400

2.5. Công tác phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

Thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe cho người dân trong mùa lũ, đặc biệt là nhóm đối tượng dễ bị tổn thương như người già, trẻ em, phụ nữ mang thai,... Chuẩn bị điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuốc thiết yếu đảm bảo hoạt động chăm sóc sức khỏe giai đoạn trong và sau lũ.

Công tác quản lý, xử lý chất thải y tế tại các cơ sở y tế được thực hiện tốt, đảm bảo 100% chất thải y tế được xử lý đạt yêu cầu. Tình hình sử dụng nước sạch và vệ sinh môi trường trong cộng đồng ngày càng được cải thiện.

2.6. Công tác tài chính:

Tổng ngân sách y tế năm 2020 ước tính là: **2.342,037** tỷ đồng, trong đó:

- Ngân sách cấp: **491,873** tỷ đồng, trong đó:

- + *Đầu tư phát triển: 40,824 tỷ đồng (các dự án do Sở Y tế làm chủ đầu tư)*
- + *Chi sự nghiệp, quản lý HC, khác: 444,922 tỷ đồng.*
- + *Chương trình Mục tiêu Y tế- Dân số(kinh phí TW cấp): 6,127 tỷ đồng*
- Các khoản thu sự nghiệp: **1.850,164** tỷ đồng, trong đó:
 - + *Thu viện phí: 1.628,665 tỷ đồng (trong đó tiền thuốc: 689,612 tỷ đồng).*
 - + *Phí, lệ phí, khác: 221,499 tỷ đồng.*

Nhìn chung tình hình thu chi ngân sách năm 2020 thực hiện đạt kết quả khá tốt, tình hình thực hiện dự toán nguồn kinh phí ngân sách sự nghiệp y tế cấp cho khám chữa bệnh đảm bảo theo đúng dự toán, thực hiện các nguồn thu đạt chỉ tiêu kế hoạch. Ngành Y tế thực hiện tốt chủ trương tiết kiệm chi tiêu ngân sách phục vụ mục tiêu kiềm chế lạm phát, đẩy mạnh thực hiện cơ chế chủ tài chính tại các đơn vị y tế công lập.

3. Những giải pháp chủ yếu để thực hiện 6 tháng cuối năm 2020

Tập trung chỉ đạo công tác phòng chống dịch bệnh, đặc biệt là bệnh Covid-19, Sốt xuất huyết, Tay chân miệng, bệnh Tả, Sốt xuất huyết do vi-rút Zika và các bệnh lây truyền theo đường nước. Chuẩn bị sẵn sàng các điều kiện phục vụ công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19, Sốt xuất huyết, TCM, bệnh Tả, Cúm A/H5N1, Sốt xuất huyết do vi-rút Zika, MERS- CoV. Tăng cường hoạt động giám sát, kiểm dịch y tế biên giới. Thực hiện hoàn thành các mục tiêu chương trình Y tế - Dân số và các công tác trọng tâm của Ngành. Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra ATTP trên địa bàn tỉnh. Triển khai thực hiện chiến dịch bổ sung vitamin A cho trẻ em và phụ nữ mang thai đợt 2/2020; tiến hành điều tra dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi.

Tập trung thực hiện tốt công tác khám chữa bệnh, chống quá tải tại các bệnh viện, nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh. Tiếp tục thực hiện phát triển mạng lưới phòng chống bệnh mạch vành cấp và đột quy, thực hiện Đề án “Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh An Giang” (đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1695/QĐ-UBND ngày 11/7/2019). Triển khai ứng dụng phần mềm quản lý Hồ sơ sức khỏe cá nhân trên địa bàn tỉnh An Giang.

Tiếp tục thực hiện công tác tuyển dụng viên chức thuộc Trung tâm Y tế thành phố Long Xuyên và Trung tâm Y tế huyện Tịnh Biên; Triển khai thực hiện Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Y tế từ hạng IV lên hạng III. Phối hợp đào tạo với Trường Đại học Y Dược Cần Thơ về việc đào tạo trình độ đại học hệ chính quy và hệ liên thông theo địa chỉ sử dụng năm 2020, và mở các lớp đào tạo sau đại học, đào tạo ngắn hạn tại An Giang.

Đẩy nhanh tiến độ xây dựng cơ bản và thành đưa vào sử dụng các công trình do Sở Y tế làm chủ đầu tư. Tăng cường chỉ đạo thực hiện các giải pháp để đạt chỉ tiêu xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã năm 2020.

Theo dõi tình hình diễn biến lũ lụt, chủ động trong phòng chống dịch bệnh, thực hiện tốt chăm sóc sức khỏe nhân dân mùa nước nổi.

Tiếp tục triển khai và duy trì hoạt động Cổng thông tin điện tử ngành y tế An Giang. Tiếp tục duy trì thực hiện các quy trình ISO 9001:2008 tại Sở Y tế. Triển khai thực hiện Kế hoạch Thống kê y tế điện tử cho các đơn vị y tế trực thuộc trên địa bàn tỉnh.

Hoàn thành các đầu công việc của UBND tỉnh giao cho ngành y tế năm 2020 theo quyết định số 287/QĐ-UBND ngày 11/02/2020 về việc ban hành chương trình công tác năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Xây dựng kế hoạch công tác Y tế năm 2021.

Tổ chức kiểm tra công tác y tế năm 2020 các đơn vị trong ngành, chuẩn bị tổng kết công tác năm 2020.

Thanh kiểm tra hoạt động hành nghề y dược tư nhân.

Phần thứ hai

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH Y TẾ AN GIANG NĂM 2021

Năm 2021 là năm đầu tiên thực hiện Kế hoạch 05 năm 2021 - 2025, là năm có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 – 2020, việc hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 sẽ tạo tiền đề thuận lợi cho việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch 5 năm 2021 - 2025.

I. ĐÁNH GIÁ NHỮNG KHÓ KHĂN TRƯỚC KHI XÂY DỰNG KẾ HOẠCH 2021

Năm 2021, trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu và đầy đủ hơn, dự báo tình hình thế giới và trong nước, bên cạnh những yếu tố mới, tạo ra những thuận lợi cho sự phát triển, nhưng cũng có nhiều khó khăn thách thức phải vượt qua.

1. Thuận lợi:

- Thuận lợi cơ bản nhất của ngành Y tế là các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước xác định rõ mục tiêu phát triển sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Đảng, Quốc hội và Chính phủ ngày càng quan tâm đến ngành Y tế, xác định rõ vai trò quan trọng của sức khỏe trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, coi đầu tư cho sức khỏe là đầu tư trực tiếp cho phát triển bền vững. Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 48-KH/TU và Kế hoạch số 49-KH/TU ngày 27/4/2018 thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 về “*Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới*” và “*Công tác Dân số trong tình hình mới*”.

- Hệ thống Pháp luật liên quan đến chăm sóc sức khỏe ngày càng hoàn thiện; nhiều Luật, Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư hướng dẫn của các Bộ ngành đã được ban hành, tạo hành lang pháp lý rõ ràng, minh bạch cho quá trình xây dựng và phát triển hệ thống y tế.

- Tổ chức mạng lưới y tế được củng cố. kiện toàn, đã dần đi vào hoạt động ổn định, là điều kiện để phát triển trong thời gian tới.

- Kinh tế đất nước sẽ phục hồi sau dịch bệnh Covid-19, tiếp tục phát triển trong điều kiện chính trị và xã hội ổn định, nông thôn Việt Nam có nhiều đổi mới tạo điều kiện để đảm bảo an sinh xã hội, đầu tư cho y tế. Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng giúp cho người dân có thêm nhiều lựa chọn các loại thuốc, dịch vụ y tế có chất lượng cao ngay trong nước. Cơ chế thị trường từng bước được hoàn thiện và vận hành thuận lợi hơn. Nhiều chủ trương, chính sách và pháp luật được ban hành và đi vào cuộc sống, tạo môi trường và động lực phát triển cho ngành.

- Cơ sở hạ tầng giao thông được đầu tư xây dựng, các phương tiện thông tin hiện đại phát triển nhanh chóng, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân dễ dàng tiếp cận các cơ sở y tế cũng như các kiến thức về chăm sóc, nâng cao sức khỏe.

- Chủ trương xã hội hóa y tế ngày càng được đẩy mạnh, hành lang pháp lý ngày càng hoàn thiện, huy động được các nguồn lực của cộng đồng tham gia vào lĩnh vực chăm sóc sức khỏe. Các cấp ủy Đảng, chính quyền, ban ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội ngày càng quan tâm và thể hiện rõ trách nhiệm trong lĩnh vực bảo vệ, chăm sóc sức khỏe

nhân dân. Việc đa dạng hóa các loại hình chăm sóc sức khỏe tiếp tục phát triển, tạo điều kiện cho các cơ sở y tế ngoài công lập nâng cao chất lượng hoạt động, góp phần cùng y tế công lập từng bước đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe đa dạng với chất lượng ngày càng cao hơn của mọi tầng lớp nhân dân theo hướng công bằng và hiệu quả.

2. Khó khăn thách thức:

Bên cạnh những mặt thuận lợi, còn nhiều khó khăn và thách thức như:

- Tình hình kinh tế toàn cầu bị ảnh hưởng dưới tác động của dịch bệnh Covid-19 có những tác động ảnh hưởng đến phát triển kinh tế của đất nước ta.

- Các yếu tố kinh tế - xã hội, mức chênh lệch về thu nhập bình quân đầu người giữa các khu vực và các nhóm đối tượng lớn dẫn đến bất bình đẳng về tình trạng sức khỏe, gánh nặng bệnh tật và khả năng tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe. Khó khăn lớn của ngành Y tế là phải đảm bảo công bằng, hiệu quả trong chăm sóc sức khỏe và phát triển trong bối cảnh nền kinh tế thị trường với nhiều chính sách tác động đa chiều đến y tế. Điều chỉnh cơ chế tài chính theo hướng công bằng, đảm bảo cân bằng giữa phát triển y tế cơ sở, chăm sóc sức khỏe ban đầu với việc phát triển y tế chuyên sâu trong bối cảnh chi tiêu công cho y tế còn thấp.

- Về yếu tố môi trường, tự nhiên: Tình hình hạn hán, lũ lụt, thiên tai, biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn, sạt lở, thay đổi điều kiện vệ sinh môi trường tác động đến phát sinh các dịch bệnh. Đồng thời, là tỉnh có đường biên giới giáp Campuchia gần 100 km, người dân thường xuyên qua lại, nên cũng luôn có nguy cơ lây truyền các dịch bệnh nguy hiểm qua biên giới.

- Cùng với việc phát triển các khu, cụm công nghiệp, luôn có nguy cơ tiềm ẩn xảy ra ngộ độc thực phẩm tại các bữa ăn tập thể với số lượng nhiều người mắc, cần tăng cường tuyên truyền, nâng cao ý thức chấp hành các điều kiện quy định về VSATTP của các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, các doanh nghiệp, kiểm tra, giám sát thường xuyên.

- Về cung ứng dịch vụ y tế: Nhu cầu chăm sóc sức khỏe người dân ngày càng tăng về số lượng và chất lượng trong khi khả năng cung ứng dịch vụ y tế của ngành Y tế còn hạn chế, cơ sở y tế còn quá tải, cơ sở vật chất cần đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, bổ sung trang thiết bị; việc kiểm soát chất lượng dịch vụ y tế tại một số đơn vị sự nghiệp y tế còn chưa chặt chẽ, cung ứng dịch vụ y tế còn có những bất cập trong quản lý, sử dụng thuốc an toàn, hợp lý.

- Về mô hình bệnh tật, ngoài các bệnh truyền nhiễm cần được tiếp tục giải quyết tốt, các bệnh không lây nhiễm, tác động của già hóa dân số làm tăng một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi: tim mạch, xương khớp, đái tháo đường, sa sút trí tuệ...; tai nạn thương tích ngày càng tăng, các dịch bệnh mới, dịch bệnh lạ diễn biến khó lường. Đại dịch HIV/AIDS tuy vài năm gần đây bước đầu có dấu hiệu chững lại nhưng diễn biến còn phức tạp, các dự án hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phòng chống HIV/AIDS ngày càng giảm cả về quy mô và nguồn kinh phí đã ảnh hưởng đến hoạt động của chương trình phòng chống HIV/AIDS. Tình hình bệnh Lao còn khá nghiêm trọng. Quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế là cơ hội cho ngành Y tế phát triển, tuy nhiên cũng có không ít khó khăn, thách thức: những nguy cơ lây truyền các dịch bệnh nguy hiểm, các dịch bệnh mới diễn biến khó lường, đặc biệt An Giang là tỉnh có đường biên giới giáp Campuchia, người dân thường xuyên qua lại, nên cũng luôn có nguy cơ lây truyền các dịch bệnh nguy hiểm qua biên giới. Quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm còn nhiều bất cập, ô nhiễm thực phẩm do sử dụng hóa chất cấm trong nuôi trồng, chế biến thực phẩm vẫn là vấn đề nhức nhối chưa được kiểm soát hiệu quả. Một bộ phận nhân dân chưa hình thành thói quen tốt trong tự bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe là điều kiện để các dịch bệnh luôn có nguy cơ bùng phát.

Các vấn đề về chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe người cao tuổi, sức khỏe người tàn tật, sức khỏe vị thành niên đang đặt ra những nhiệm vụ phải phấn đấu.

- Tài chính y tế: Chi phí cho chăm sóc sức khỏe ngày càng lớn trong khi đầu tư cho công tác chăm sóc sức khỏe còn thấp; các nguồn viện trợ nước ngoài cho Việt Nam ngày càng giảm dần. Phát triển Bảo hiểm y tế tuy có tăng nhưng vẫn còn chậm so với mức trung bình của toàn quốc, chưa gắn kết đồng bộ với lộ trình đổi mới cơ chế tài chính, trong thực hiện khám chữa bệnh BHYT cũng còn nhiều bất cập trong cơ chế quản lý, thanh toán chi phí, thủ tục hành chính. Phát triển kỹ thuật và nhu cầu chăm sóc sức khỏe tăng tạo nên tăng chi phí cho y tế trong khi chi tiêu công cho y tế chưa cao; giá viện phí chưa thực hiện đầy đủ các yếu tố cấu thành ảnh hưởng đến lộ trình thực hiện đổi mới cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Nhân lực ngành y tế tuy có tăng về số lượng nhưng về chất lượng còn nhiều bất cập, cơ cấu chưa hợp lý, chưa đáp ứng kịp thời với nhu cầu phát triển, chính sách thu hút cán bộ y tế cho tuyến y tế cơ sở chưa đủ mạnh, chưa có chính sách quy định về thực hiện nghĩa vụ tại tuyến y tế cơ sở đối với cán bộ y tế công lập, mặt khác tác động của nền kinh tế thị trường đã có ảnh hưởng trong thu hút, dịch chuyển cán bộ y tế tuyến y tế cơ sở có trình độ đại học, sau đại học sang khu vực y tế tư nhân.

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA NGÀNH Y TẾ AN GIANG NĂM 2021:

1. Mục tiêu chung:

Tiếp tục phát triển sự nghiệp y tế tỉnh An Giang từng bước hiện đại, hoàn chỉnh theo hướng công bằng, hiệu quả và phát triển, đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của nhân dân về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, phát triển tốt về thể chất, tinh thần, giảm tỷ lệ mắc bệnh, tật và tử vong, nâng cao thể lực, tăng tuổi thọ, góp phần tăng chất lượng dân số, chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

2. Các chỉ tiêu y tế cơ bản:

Căn cứ tình hình thực hiện công tác y tế 6 tháng đầu năm 2020, ước tính khả năng thực hiện cả năm 2020, ngành Y tế An Giang xây dựng các chỉ tiêu chủ yếu của năm 2021 như sau:

TT	Chỉ số	TH 2019	Ước 2020	KH 2021
	Chỉ số đầu vào			
1.	Số bác sỹ/10.000 dân (tính cả YT ngoài công lập)	8,6	9	9,4
	<i>Trong đó: số bác sỹ công lập/10.000 dân</i>	<i>6,7</i>	<i>6,9</i>	<i>7,1</i>
2.	Số DSDH/10.000 dân (tính cả YT ngoài công lập)	1,48	1,52	1,4
	<i>Trong đó số DSDH công lập/10.000 dân</i>	<i>1,13</i>	<i>1,15</i>	<i>1,17</i>
3.	Tỷ lệ khám áp có nhân viên y tế hoạt động (%)	100	100	100
4.	Tỷ lệ trạm y tế xã có bác sỹ (%)	77,56	90	100
5.	Tỷ lệ TYT xã có nữ hộ sinh hoặc/YS sản nhi (%)	100	100	100
6.	Số giường bệnh/10.000 dân (không tính Trạm Y tế)	25,64	26	26
	<i>Trong đó: + Giường bệnh viên công lập</i>	<i>22,6</i>	<i>23</i>	<i>23</i>
	<i>+ Giường bệnh viên tư nhân</i>	<i>3,04</i>	<i>3</i>	<i>3</i>
7.	Tỷ lệ cơ sở y tế có cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuốc thiết yếu đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe trong mùa lũ (%)	100	100	100

TT	Chỉ số	TH 2019	Ước 2020	KH 2021
Chỉ số hoạt động				
8.	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi tiêm đầy đủ (%)	85,7	95	≥ 95
9.	Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế (%)	91,02	99,4	99,4
10.	Tỷ lệ dân số tham gia BHYT (%)	87,87	90	91
11.	Tỷ lệ phụ nữ sinh đẻ được cán bộ y tế đỡ đẻ trong mùa lũ (%)	99,9	99,9	100
12.	Tỷ lệ chất thải y tế tại các cơ sở y tế được xử lý đạt tiêu chuẩn (%)	100	100	100
Chỉ số đầu ra				
13.	Tỷ số tử vong mẹ (trên 100.000 trẻ đẻ sống)	20,19	24	≤ 30
14.	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi/1.000 trẻ đẻ sống	6	6	6
15.	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi/1.000 trẻ đẻ sống	11	11	11
16.	Quy mô dân số (triệu người)	1.907	1.909	1.911
17.	Mức giảm tỷ lệ sinh (‰)	0,03	0,03	0,03
18.	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên (%)	0,9	0,9	0,9
19.	Tỷ số giới tính khi sinh (trai/100 gái)	108,4	108,5	108,6
20.	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi SDD thể nhẹ cân (cân nặng/ tuổi) (%)	11,7 (**)	11,4	11
21.	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi SDD thể thấp còi (chiều cao/ tuổi) (%)	22,4 (**)	22,2	21,8
22.	Tỷ lệ nhiễm HIV/AIDS trong cộng đồng (%)	0,3	< 0,3	<0,3

(*): Số liệu dân số theo công văn số 85/CTK-DSVX V/v Thông báo số liệu DSTB điều chỉnh 10 năm (2010-2019) và ước tính DSTB năm 2020-2025.

(**): Kết quả thực hiện năm 2019, đã thực hiện điều tra 30 cụm, đang chờ kết quả công bố từ Viện Dinh dưỡng, số liệu ước tính.

IV. MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐỂ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH:

Tiếp tục quán triệt và thực hiện tốt Kế hoạch số 48-KH/TU, ngày 27/4/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành TW Đảng (khóa XII) “Về tăng cường công tác Bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới”, Kế hoạch số 49-KH/TU, 27/4/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành TW Đảng (khóa XII) “Về công tác Dân số trong tình hình mới”.

Căn cứ theo Quyết định số 122/QĐ-TTg ngày 10/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn đến năm 2030, các Chiến lược của lĩnh vực chuyên ngành; kế hoạch số 139/KH-BYT của Bộ Y tế ban hành kế hoạch bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 646/QĐ-BYT ngày 13/02/2015 ban hành Kế hoạch hành động về chuẩn bị, ứng phó với thiên tai của ngành Y tế giai đoạn 2015 – 2020, điều kiện kinh tế xã hội của tỉnh, ngành Y tế An Giang đề ra các giải pháp chủ yếu của kế hoạch năm 2020 như sau:

1. Củng cố và hoàn thiện tổ chức mạng lưới ngành y tế

- Kiện toàn và ổn định mô hình tổ chức hệ thống y tế từ tỉnh đến xã; vừa củng cố, kiện toàn mạng lưới y tế cơ sở, vừa phát triển các trung tâm y tế chuyên sâu; tăng cường đầu tư phát triển y tế công lập đi đôi với việc khuyến khích và tạo điều kiện phát triển y tế

ngoài công lập; phát triển y học hiện đại gắn với y học cổ truyền. Hoàn thiện, củng cố hoạt động các Trung tâm Y tế huyện đa chức năng để thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ về: khám chữa bệnh, dự phòng, dân số và phát triển.

- Củng cố, phát triển mạng lưới y tế dự phòng theo hướng tập trung, thu gọn đầu mối đơn vị nhằm tăng cường hiệu quả và nâng cao chất lượng hoạt động, bảo đảm đủ khả năng dự báo, kiểm soát các bệnh lây nhiễm, bệnh không lây nhiễm và các bệnh liên quan đến môi trường, lối sống.

- Hoàn thiện và nâng cao chất lượng mạng lưới khám bệnh, chữa bệnh các tuyến; củng cố, nâng cao năng lực hoạt động các bệnh viện tuyến tỉnh, bệnh viện đa khoa tuyến huyện, tiếp tục phát triển một số chuyên ngành bệnh viện tuyến tỉnh thông qua hình thức bệnh viện vệ tinh cho các bệnh viện tuyến trung ương tại Tp HCM: tim mạch, mắt, sản nhi, chấn thương chỉnh hình, ngoại khoa gan mật...; nâng cao năng lực mạng lưới khám bệnh, chữa bệnh các bệnh viện chuyên khoa. Xây dựng cơ sở y tế kết hợp quân - dân y, đặc biệt là ở các khu vực biên giới. Củng cố, phát triển và hiện đại hóa mạng lưới vận chuyển cấp cứu ngoại viện trên địa bàn tỉnh.

2. Nâng cao năng lực y tế dự phòng, thực hiện tốt chương trình mục tiêu Y tế - Dân số, phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu, công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, nâng cao sức khỏe tiến tới bao phủ chăm sóc sức khỏe toàn dân

- Tăng cường công tác truyền thông giáo dục sức khỏe như: ăn uống hợp vệ sinh, không hút thuốc lá, thực hiện đồng bộ các giải pháp về phòng chống tác hại của thuốc lá, rượu, bia, đồ uống có cồn khác; tăng cường vận động thể lực, luyện tập thể dục thể thao; tổ chức các chương trình, mô hình vận động thể lực tại cộng đồng, nơi làm việc, nhà trường.

- Tăng cường các hoạt động giám sát và kiểm soát các chất thải gây ô nhiễm môi trường; xử lý các chất thải y tế và các chất thải độc hại. Phối hợp các ngành chức năng, các địa phương thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm giảm tác động của các yếu tố có hại đến sức khỏe như: Hút thuốc, lạm dụng rượu bia, tình dục không an toàn, chế độ ăn không hợp lý, ngộ độc thực phẩm... Phát triển đội ngũ thanh tra liên ngành và kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm, thực hiện việc kiểm soát an toàn thực phẩm dựa trên đánh giá nguy cơ, sản xuất kinh doanh theo chuỗi, truy xuất nguồn gốc.

- Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, nâng cao năng lực cho hệ y tế dự phòng đủ khả năng kiểm soát tốt hơn các bệnh truyền nhiễm, vệ sinh an toàn thực phẩm, y tế lao động, vệ sinh môi trường. Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất trung tâm y tế huyện đảm bảo đạt tiêu chuẩn an toàn và bổ sung đầy đủ các trang thiết bị cần thiết cho công tác xét nghiệm, nâng cấp và chuẩn hóa các phòng xét nghiệm. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các dự án thuộc chương trình mục tiêu Y tế - Dân số.

- Thực hiện tốt công tác phối hợp liên ngành trong thực hiện chăm sóc sức khỏe trẻ em và học sinh: Tiêm chủng đầy đủ, đúng lịch, an toàn cho mọi trẻ em trong diện tiêm chủng. Giáo dục thay đổi hành vi cho học sinh về dinh dưỡng hợp lý, hạn chế các thực phẩm không có lợi cho sức khỏe; xây dựng thực đơn và tổ chức các bữa ăn bảo đảm dinh dưỡng tại trường học; định kỳ theo dõi tình trạng dinh dưỡng, kiểm tra sức khỏe; chăm sóc mắt cho trẻ em. Bảo đảm dinh dưỡng hợp lý và giảm muối trong khẩu phần ăn phù hợp cho từng nhóm đối tượng, nguồn nguyên liệu, khẩu vị của người Việt; chăm sóc dinh dưỡng cho 1.000 ngày vàng đầu đời; giám sát tình trạng dinh dưỡng, bổ sung vi chất dinh dưỡng cho trẻ em dưới 5 tuổi, phụ nữ có thai; phát hiện và giải quyết kịp thời các vấn đề dinh dưỡng trong tình trạng khẩn cấp.

- Nâng cao năng lực hoạt động tuyến y tế cơ sở là tuyến đầu trong phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe, tạo niềm tin cho người dân vào y tế cơ sở. Triển khai thực hiện trạm y tế xã hoạt động theo nguyên lý y học gia đình, phòng khám bác sỹ gia đình làm nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng bệnh và khám, chữa bệnh cho nhân dân trên địa bàn. Triển khai thực hiện đồng bộ hệ thống công nghệ thông tin trong quản lý trạm y tế, tiêm chủng, quản lý bệnh tật, quản lý, theo dõi hồ sơ sức khỏe người dân gắn với quản lý thẻ, thanh toán BHYT. Thực hiện tốt công tác quản lý hồ sơ sức khỏe cá nhân, định kỳ kiểm tra sức khỏe và quản lý điều trị một số bệnh không lây nhiễm như: tăng huyết áp, đái tháo đường, COPD... Thực hiện chăm sóc sức khỏe người cao tuổi dựa vào cộng đồng, chăm sóc dài hạn.

- Lòng ghép các hoạt động phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu với các chương trình y tế. Tăng cường phối hợp liên ngành trong phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống tai nạn, thương tích, tai nạn giao thông, tai nạn lao động, đuối nước, tự tử, bệnh nghề nghiệp, phòng chống HIV/AIDS, an toàn vệ sinh thực phẩm. Giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, hoá chất độc hại đến sức khoẻ con người. Tăng tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sạch và nhà tiêu hợp vệ sinh; tỷ lệ người dân rửa tay với xà phòng. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện quản lý, xử lý chất thải y tế tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh. Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức cho các cán bộ, nhân viên ngành y tế về thích ứng với biến đổi khí hậu. Đa dạng hóa các hình thức truyền thông cho cộng đồng nhằm nâng cao nhận thức về bảo vệ sức khỏe trước tác động của biến đổi khí hậu.

3. Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh

Triển khai đồng bộ các giải pháp để giảm quá tải bệnh viện, đẩy mạnh các giải pháp để nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, duy trì và phát triển các bệnh viện tuyến tỉnh làm bệnh viện vệ tinh cho các BV tuyến Trung ương, thực hiện tốt công tác chuyển giao kỹ thuật cho tuyến dưới, hỗ trợ chuyển giao chuyên môn kỹ thuật giữa bệnh viện công và bệnh viện tư, nâng cao năng lực thực hiện danh mục kỹ thuật của từng tuyến có chọn lọc ưu tiên phát triển theo từng giai đoạn phù hợp, từng bước tiến tới đảm bảo chất lượng dịch vụ đồng đều giữa các tuyến. Thực hiện tốt bộ tiêu chí chất lượng bệnh viện và tăng sự hài lòng của người bệnh; từng bước thiết lập lại hệ thống chuyển tuyến trong khám bệnh, chữa bệnh; phát triển mạng lưới bệnh viện chuyên khoa và các khoa ung bướu, tim mạch, chấn thương chỉnh hình, sản nhi, lão khoa, phục hồi chức năng; chú trọng phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng. Phấn đấu đến năm 2025, Bệnh viện đa khoa trung tâm An Giang là Bệnh viện hạng một,

Thực hiện chăm sóc liên tục và toàn diện cho người bệnh; lấy người bệnh làm trung tâm; xây dựng chương trình bảo đảm và cải thiện chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh; tiếp nhận thông tin và xử lý kịp thời các ý kiến của người bệnh và thân nhân người bệnh, bảo vệ quyền lợi chính đáng của người bệnh.

Nâng cao năng lực quản lý bệnh viện, bảo đảm sử dụng hiệu quả nguồn lực ở các bệnh viện; tăng cường cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý bệnh viện, triển khai thực hiện nhân rộng mô hình Bệnh án điện tử tại các bệnh viện có điều kiện. Đẩy mạnh thanh toán các chi phí dịch vụ y tế không dùng tiền mặt tại các đơn vị y tế. Phát huy hiệu quả hoạt động của hội đồng thuốc và điều trị, tăng cường kiểm soát kê đơn, sử dụng thuốc, chỉ định xét nghiệm, chỉ định kỹ thuật; hạn chế tối đa việc lạm dụng thuốc và công nghệ y tế; thực hiện các biện pháp phòng ngừa và giảm các tai biến, sai sót chuyên môn, bảo đảm an toàn cho người bệnh và minh bạch trong quản lý,

hoạt động chuyên môn và phân bổ nguồn lực. Tăng cường giáo dục y đức, quy chế ứng xử cho cán bộ y tế.

Tăng cường khám, chữa bệnh cho các đối tượng chính sách, tăng cường phối hợp quân dân y, phát huy thế mạnh y tế của lực lượng vũ trang; triển khai các mô hình tổ chức linh hoạt, phù hợp để bảo đảm dịch vụ khám, chữa bệnh cho người dân vùng sâu, vùng xa, biên giới.

Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án “Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh An Giang” (đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1695/QĐ-UBND ngày 11/7/2019).

Triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách quốc gia về y dược học cổ truyền và kế hoạch hành động về phát triển y, dược cổ truyền Việt Nam; đẩy mạnh sản xuất thuốc đông y, thuốc từ dược liệu và dược liệu. Củng cố hệ thống tổ chức y dược cổ truyền từ tỉnh đến xã, phường, thị trấn; hoàn thành xây dựng và đưa vào hoạt động Bệnh viện Y học cổ truyền quy mô 100 giường; nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các khoa, tổ y học cổ truyền tại các bệnh viện đa khoa tỉnh, huyện; tăng cường hoạt động y học cổ truyền tại các trạm y tế.

Tiếp tục đầu tư xây dựng và phát triển các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa theo lộ trình Quy hoạch tổng thể phát triển ngành Y tế tỉnh An Giang từ năm 2015 đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

4. Nâng cao chất lượng công tác Dân số - KHHGD và chăm sóc sức khỏe sinh sản:

- Duy trì mức sinh thấp hợp lý, nâng cao nhận thức, thực hành về bình đẳng giới, đẩy mạnh truyền thông giáo dục chuyển đổi hành vi nhằm giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh. Mở rộng cung cấp các dịch vụ tư vấn và khám sức khỏe, tư vấn tiền hôn nhân, sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh, giảm dị tật và bệnh bẩm sinh, đáp ứng nhu cầu dịch vụ KHHGD của người dân. Kiến toàn mạng lưới cung cấp dịch vụ theo phân tuyến kỹ thuật, đảm bảo cung cấp các gói dịch vụ dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản thiết yếu ở tất cả các tuyến, tăng khả năng tiếp cận dịch vụ CSSKSS có chất lượng. Nâng cao chất lượng công tác dự báo, xây dựng kế hoạch sử dụng phương tiện tránh thai hợp lý và cung cấp đủ dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản.

- Hoàn thiện tổ chức bộ máy, ổn định và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản ở các cấp theo hướng chuyên nghiệp hóa. Tăng cường kiểm tra, thanh tra; xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành; nâng cao vai trò giám sát của cộng đồng trong thực hiện chính sách, pháp luật về dân số - sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình.

- Tăng cường phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật; cập nhật, cung cấp thông tin tới các cấp ủy Đảng, chính quyền, Tổ chức chính trị - xã hội và những người có uy tín trong cộng đồng. Triển khai mạnh, có hiệu quả các hoạt động truyền thông, giáo dục phù hợp với từng nhóm đối tượng. Mở rộng và nâng cao chất lượng giáo dục về dân số, sức khỏe sinh sản trong và ngoài nhà trường. Kết hợp tốt truyền thông đại chúng với truyền thông trực tiếp thông qua mạng lưới công tác viên dân số.

- Nâng cao chất lượng thu thập, xử lý thông tin số liệu về dân số, sức khỏe sinh sản trên cơ sở áp dụng công nghệ thông tin; cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, số liệu phục vụ sự chỉ đạo, điều hành, quản lý ở các cấp.

- Phát triển mạnh chuyên ngành lão khoa trong các cơ sở y tế, khuyến khích phát triển các cơ sở chăm sóc người cao tuổi. Bảo đảm các nhóm dân số đặc thù như trẻ em,

người khuyết tật, người bị di chứng chiến tranh, người cao tuổi, đồng bào dân tộc ít người, người di cư... được tiếp cận các dịch vụ y tế cơ bản.

- Huy động rộng rãi các ngành, tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng tham gia công tác dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản. Tăng cường hợp tác quốc tế, chủ động tham gia các tổ chức, chương trình quốc tế; tích cực tranh thủ sự giúp đỡ về tài chính, kỹ thuật và kinh nghiệm của các nước, các tổ chức quốc tế.

5. Phát triển nguồn nhân lực y tế:

- Tăng cường các hoạt động đào tạo và thực hiện tốt các cơ chế chính sách trong thu hút, đãi ngộ, sử dụng cán bộ để đảm bảo về số lượng và chất lượng theo quy hoạch phát triển ngành, phục vụ nhu cầu chăm sóc sức khỏe người dân. Quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực y tế, từng bước nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng kịp thời nhu cầu chăm sóc sức khỏe. Nâng cao năng lực quản lý cho cán bộ lãnh đạo các đơn vị.

- Tổ chức cấp, quản lý chứng chỉ hành nghề, giấy phép hoạt động cho cán bộ y tế và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của pháp luật.

- Tiếp tục chú trọng đào tạo hệ đào tạo theo địa chỉ, đào tạo bác sỹ, dược sỹ hệ tập trung 4 năm và đào tạo liên tục với quy mô hợp lý để đáp ứng nhu cầu cho vùng sâu, vùng xa. Bảo đảm đủ chức danh cán bộ cho các cơ sở y tế, đặc biệt cho các khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, vùng biên giới.

Thực hiện tốt chính sách thu hút nguồn nhân lực y tế tỉnh An Giang giai đoạn 2020 – 2025 theo Quyết định số 73/2019/QĐ-UBND ngày 24/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang triển khai thực hiện Nghị quyết số 19/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

6. Xây dựng hệ thống thông tin y tế

- Đầu tư phát triển công nghệ thông tin ngành y tế, từng bước xây dựng cơ sở dữ liệu và chuẩn hóa hệ thống thông tin y tế một cách đồng bộ, nâng cao chất lượng thông tin y tế (đầy đủ, chính xác, kịp thời, có độ tin cậy cao); tăng cường ứng dụng phần mềm trong quản lý, sử dụng số liệu thông tin y tế (tổng hợp, phân tích và xử lý số liệu). Tăng cường phổ biến thông tin với các hình thức đa dạng và phù hợp với người sử dụng, tăng cường sử dụng thông tin cho quản lý trực tiếp ở các đơn vị, từng tuyến.

- Đẩy mạnh thực hiện phần mềm trong thống kê y tế điện tử, quản lý khám chữa bệnh, thanh toán BHYT; thực hiện hội chẩn, tư vấn, khám, chữa bệnh từ xa tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh An Giang. Thực hiện Bệnh án điện tử tại các Bệnh viện, Trung tâm Y tế huyện có đủ điều kiện.

7. Đổi mới cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính ngành y tế (bao gồm cả BHYT)

Bảo đảm ngân sách Nhà nước cho y tế cho chi thường xuyên và đầu tư phát triển. Thực hiện quản lý sử dụng hiệu quả, tiết kiệm các nguồn lực, đảm bảo cân đối ngân sách chi hợp lý, cân đối cho hoạt động thường xuyên và đột xuất của ngành. Nâng cao năng lực quản lý điều hành về tài chính của cán bộ quản lý các đơn vị y tế. Tăng cường quản lý quỹ khám chữa bệnh BHYT tại các cơ sở điều trị. Duy trì và phát triển tốt các nguồn thu, đẩy mạnh thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập. Thực hiện hiệu quả các nguồn đầu tư từ các dự án hợp tác quốc tế.

Tiếp tục triển khai tốt chính sách bảo hiểm y tế cho người nghèo, cận nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi, người cao tuổi, đồng bào dân tộc thiểu số vùng kinh tế - xã hội khó khăn, người nhiễm HIV/AIDS.

Mở rộng quyền tự chủ về tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập; thực hiện tính đúng, tính đủ chi phí dịch vụ, bảo đảm phù hợp với trình độ chuyên môn, chất lượng dịch vụ ở từng tuyến và khả năng chi trả của nhân dân; minh bạch giá dịch vụ y tế, phân định rõ phần chi từ ngân sách nhà nước và phần chi của người sử dụng dịch vụ y tế.

Dự toán ngân sách y tế năm 2021:

Tổng dự toán: **2.521 tỷ 421 triệu đồng**, trong đó:

a. Đầu tư phát triển: 22.294 triệu đồng

Tổng dự toán đầu tư công năm 2020 (các dự án do Sở Y tế làm chủ đầu tư): **22.294 triệu đồng** (nguồn vốn xổ số kiến thiết) cho dự án Cung cấp trang thiết bị cho Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh An Giang.

b. Chi sự nghiệp: 2.084 tỷ 155 triệu đồng, trong đó:

* **Từ ngân sách cấp: 468 tỷ 593 triệu đồng** (không tính kinh phí mua BHYT cho người nghèo, cận nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi), trong đó:

- *Ngân sách Địa phương: 458 tỷ đồng.*

- *Ngân sách Trung ương (CTMT Y tế - Dân số): 06 tỷ 127 triệu đồng.*

* **Từ nguồn thu: 2.035 tỷ 599 triệu đồng, trong đó:**

- *Viện phí (tính cả tiền thuốc): 1.79 tỷ 227 triệu đồng.*

- *Phí, lệ phí, dịch vụ khác: 245 tỷ 372 triệu đồng.*

8. Thuốc, vắc-xin và sinh phẩm y tế:

- Đảm bảo cung ứng thuốc, sử dụng thuốc an toàn hợp lý, hiệu quả. Tiếp tục thực hiện các chương trình chuẩn hóa và quản lý chất lượng thuốc: GMP, GLP, GSP, GPP. Tiếp tục thực hiện tốt đấu thầu thuốc, vật tư y tế tập trung. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra chất lượng thuốc, mỹ phẩm lưu hành trên địa bàn, phát hiện và xử lý kịp thời thuốc, mỹ phẩm nhập lậu, thuốc giả, không rõ nguồn gốc...

- Tăng cường quản lý chất lượng thuốc và sử dụng thuốc an toàn, hợp lý, khuyến khích sử dụng thuốc sản xuất trong nước. Tăng cường công tác quản lý giá thuốc, chấn chỉnh công tác đấu thầu thuốc. Cải cách, kiện toàn mạng lưới sản xuất, lưu thông, phân phối và cung ứng thuốc. Quản lý chặt chẽ quy chế kê đơn, bán thuốc tại các quầy thuốc, bảo đảm sử dụng thuốc an toàn, hợp lý.

9. Trang thiết bị y tế và cơ sở hạ tầng y tế:

- Ngoài nguồn ngân sách Nhà nước đầu tư, tranh thủ các nguồn vốn ODA, vốn huy động khác đầu tư trang thiết bị, phát triển chuyên môn kỹ thuật cho các đơn vị trong ngành theo quy hoạch phát triển của ngành, phù hợp theo từng tuyến. Tổ chức đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực quản lý, sử dụng và bảo trì trang thiết bị cho các cơ sở y tế, đảm bảo các trang thiết bị đầu tư được đưa vào sử dụng phục vụ sức khỏe nhân dân có hiệu quả cao.

- Từ nguồn ngân sách tỉnh và tranh thủ nguồn kinh phí hỗ trợ của Trung ương đẩy mạnh tiến độ xây dựng các công trình ngành Y tế. Đảm bảo thực hiện tốt, có hiệu quả việc đầu tư xây dựng, nâng cấp các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa tuyến tỉnh, các Trung tâm Y tế huyện. Tiếp tục đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị để hoàn thiện hệ thống y tế dự phòng tỉnh, huyện, các đơn vị y tế tuyến tỉnh: Xây dựng mới Trung tâm Kiểm nghiệm Dược phẩm- mỹ phẩm và thực phẩm, Bệnh viện y học cổ truyền, mở rộng,

nâng cấp Bệnh viện Tim Mạch An Giang (điểm cũ). Tiếp tục đầu tư xây dựng, nâng cấp, bổ sung trang thiết bị cho các phòng khám đa khoa khu vực, các trạm y tế xã.

10. Tăng cường năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước ngành y tế

Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về y tế ở các tuyến từ tỉnh đến xã, phường, thị trấn. Tăng cường đào tạo, đào tạo lại cho cán bộ quản lý. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, thực hiện tốt quy chế dân chủ, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành. Phân cấp quản lý rõ giữa các tuyến, cơ chế phối hợp thực hiện giữa các đơn vị y tế trong tỉnh. Tăng cường thực hiện cơ chế tự chủ và tự chịu trách nhiệm của cán bộ lãnh đạo các đơn vị y tế. Thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát thường xuyên và đột xuất các lĩnh vực của ngành. Thường xuyên theo dõi, giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động và thực hiện kế hoạch. Xây dựng tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh trong các cơ sở y tế, bảo vệ chính trị nội bộ và xây dựng nội bộ đoàn kết nhất trí. Xây dựng phong trào thi đua, đặc biệt là xây dựng các đơn vị, cá nhân điển hình tiên tiến trong ngành.

11. Tăng cường xã hội hóa công tác y tế:

Tham mưu tốt cho cấp ủy, chính quyền địa phương, phối hợp tốt với các ban, ngành, đoàn thể đẩy mạnh xã hội hóa trong hoạt động bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Kế hoạch phát triển xã hội hóa y tế. Khuyến khích đầu tư phát triển các cơ sở hành nghề y dược ngoài công lập, đặc biệt là các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa, các Phòng khám đa khoa tư nhân. Tăng cường thực hiện hiệu quả cơ chế tự chủ tại các cơ sở y tế công lập, chủ động huy động các nguồn vốn xã hội hóa trong lĩnh vực khám chữa bệnh theo đúng quy định trong việc đầu tư nâng cấp trang thiết bị, mở rộng các dịch vụ y tế đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh ngày càng cao của nhân dân. Tăng cường phối hợp hoạt động cơ sở công lập - ngoài công lập trong lĩnh vực y tế nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ và đáp ứng tốt hơn nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân.

V. KIẾN NGHỊ:

1. Bộ Y tế:

Tiếp tục quan tâm đầu tư phát triển sự nghiệp y tế vùng đồng bằng sông Cửu Long nói chung và tỉnh An Giang nói riêng, có chế độ ưu đãi về đào tạo đại học, sau đại học cho tỉnh An Giang, nhằm giải quyết tình trạng thiếu hụt về cán bộ y tế ở địa phương, đáp ứng kịp thời nhu cầu bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh:

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục quan tâm đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và đầu tư phát triển sự nghiệp y tế, hỗ trợ kinh phí địa phương thực hiện chương trình mục tiêu Y tế - Dân số.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế (Vụ KH -TC);
- UBND tỉnh;
- Sở KH&ĐT;
- BGĐ Sở Y tế;
- Các Phòng ban Sở Y tế;
- Các đơn vị y tế trực thuộc;
- Phòng Y tế các huyện, thị, Tp;
- Lưu: VT, KHTC.

Đính kèm các phụ lục

GIÁM ĐỐC

Đã ký

Từ Quốc Tuấn

Phụ lục
Tình hình các bệnh truyền nhiễm (tính từ ngày 01/01/2020 đến 30/6/2020)
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 1800/KH-SYT ngày 21/7/2020 của Sở Y tế An Giang)

TT	Tên bệnh	6 tháng 2019		6 tháng 2020		So sánh cùng kỳ 2019	
		Mắc	Chết	Mắc	Chết	Số mắc	Số chết
1	Tả	0	0	0	0	-	-
2	Thương hàn và phó thương hàn	10	0	11	0	Tăng 10%	-
3	Lỵ trực trùng	242	0	123	0	Giảm 49,2%	-
4	Lỵ amip	30	0	19	0	Giảm 36,7%	-
5	Sốt rét (trong tình)	1	0	0	0	Giảm 100%	-
6	Tiêu chảy	3.014	0	2.667	0	Giảm 11,5%	-
7	Viêm não virus khác	5	0	1	0	Giảm 04 ca	-
8	Sốt xuất huyết Dengue	1.876	0	1.169	0	Giảm 37,7%	-
9	Viêm gan virus: A, B, C, D, E	91	0	351	0	Tăng 285,7%	-
10	Bệnh dại	0	0	2	2	Tăng 02 ca	Tăng 02 ca
11	Viêm màng não do não mô cầu	0	0	0	0	-	-
12	Thủy đậu - Zona	98	0	87	0	Giảm 11,2%	-
13	Bạch hầu	0	0	0	0	-	-
14	Ho gà	03	0	01	0	Giảm 02 ca	-
15	Uốn ván sơ sinh	0	0	0	0	-	-
16	Uốn ván khác	20	0	24	0	Tăng 20%	-
17	Liệt mềm cấp nghi bại liệt	04	0	04	0	-	-
18	Sởi	25	0	07	0	Giảm 72%	-
	Sốt phát ban nghi sởi	244	0	72	0	Giảm 70,5%	-
19	Quai bị	158	0	11	0	Giảm 93%	-
20	Rubella	01	0	0	0	Giảm 01 ca	-
21	Cúm thường	2.179	0	1.425	0	Giảm 34,6%	-
22	Cúm A H5N1	0	0	0	0	-	-
23	Viêm giác mạc, kết mạc do Adeno virus	0	0	0	0	-	-
24	Dịch hạch	0	0	0	0	-	-
25	Bệnh than	0	0	0	0	-	-
26	Xoắn khuẩn vàng da	0	0	0	0	-	-
27	Tay chân miệng	557	0	292	0	Giảm 47,6%	-
28	Bệnh liên cầu lợn ở người	1	0	0	0	Giảm 01 ca	-